

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Năm báo cáo: 2012

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0203000364
- Vốn điều lệ: 200.000.000.000VNĐ (Hai trăm tỉ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 83.682.913.000 đồng
- Địa chỉ: Phường Đông Hải, Hải An, Hải Phòng
- Số điện thoại: 0313.769.992
- Số fax: 0313.769.992
- Website: dinhvuport.com.vn
- Mã cổ phiếu: DVP

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1 Việc thành lập.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được thành lập theo Quyết định số 990/QĐ-TGD ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Ngày 19 tháng 12 năm 2002 Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ngày 14/01/2003 Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ chính thức đi vào hoạt động. Từ năm 2002-2005 triển khai giai đoạn 1 xây dựng hệ thống cầu cảng, hệ thống kho tàng, bến bãi, đầu tư trang thiết bị, tuyển dụng, đào tạo CBCNV, hoàn thiện bộ máy tổ chức chuẩn bị cho việc đưa Cảng vào kinh doanh khai thác trong năm 2005.

2.2 Niêm yết.

Ngày 01 tháng 12 năm 2009 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh theo Quyết định số 147/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 11 năm 2009 theo nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

- Mã chứng khoán: DVP
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đ/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 20.000.000 cổ phiếu
- * Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 200.000.000.000đ

2.3 Các sự kiện khác.

Ngày 25/02/2005 Công ty được Cục Hàng Hải Việt nam cấp giấy phép đưa cầu cảng số 1 vào khai thác tại Quyết định số 87/QĐ CHHVN cho phép tàu có trọng tải 20.000 DWT ra vào khai thác. Cảng Đình vũ chính thức được đưa vào khai thác.

Ngày 13/06/2008 Công ty được Cục Hàng Hải Việt nam cấp giấy phép đưa cầu cảng số 2 vào khai thác tại Quyết định số 377/QĐ CHHVN cho phép tàu có trọng tải 20.000 DWT ra vào khai thác. Nâng tổng số chiều dài cầu lên 425m.

2.4 Thành tích đạt được trong năm 2012.

Năm 2012 lần thứ 2 liên tiếp, Công ty được Tạp chí Thuế Việt nam và Công ty Cổ phần đánh giá VNR vinh danh là 1 trong *Top 1000 Doanh nghiệp đóng thuế thu nhập cao nhất Việt Nam*, Báo Việt nam net Công ty Cổ phần đánh giá VNR vinh danh trong *Top 500 Doanh nghiệp phát triển nhanh nhất Việt Nam*.

Cũng trong năm 2012 , Cảng Đình vũ vinh dự nhận giải thưởng “*Thương hiệu Đại Việt vững mạnh năm 2012*” Đây là Giải thưởng do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tổ chức nhằm tôn vinh các doanh nghiệp đã ra sức phấn đấu xây dựng thương hiệu phát triển bền vững thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ để tạo ra những sản phẩm, dịch vụ chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần vào sự phát triển kinh tế đất nước.

Đặc biệt năm 2012, nhân dịp kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Công ty 19/12/2002 -19/12/2012,Cảng Đình vũ vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng *Huân chương Lao động hạng Nhì vì những thành tích xuất sắc đạt được trong sản xuất kinh doanh*.

Cũng trong năm 2012 Công ty được UBND Thành phố Hải phòng khen tặng Bức trường mang dòng chữ “*10 năm xây dựng, Hội nhập và Phát triển bền vững*”.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1 Ngành nghề kinh doanh:

Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa. Kinh doanh kho, bãi. Dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa. Dịch vụ xuất nhập khẩu. Vận tải hàng hóa đa phương thức. Dịch vụ hàng hải.

Khai thác - Kinh doanh vật liệu xây dựng và thi công san lấp mặt bằng. Dịch vụ kho vận, dịch vụ kho ngoại quan và dịch vụ hàng chuyển khẩu, quá cảnh.

Mua bán và cho thuê các loại máy, thiết bị, phụ tùng, vật tư ngành khai thác cảng.

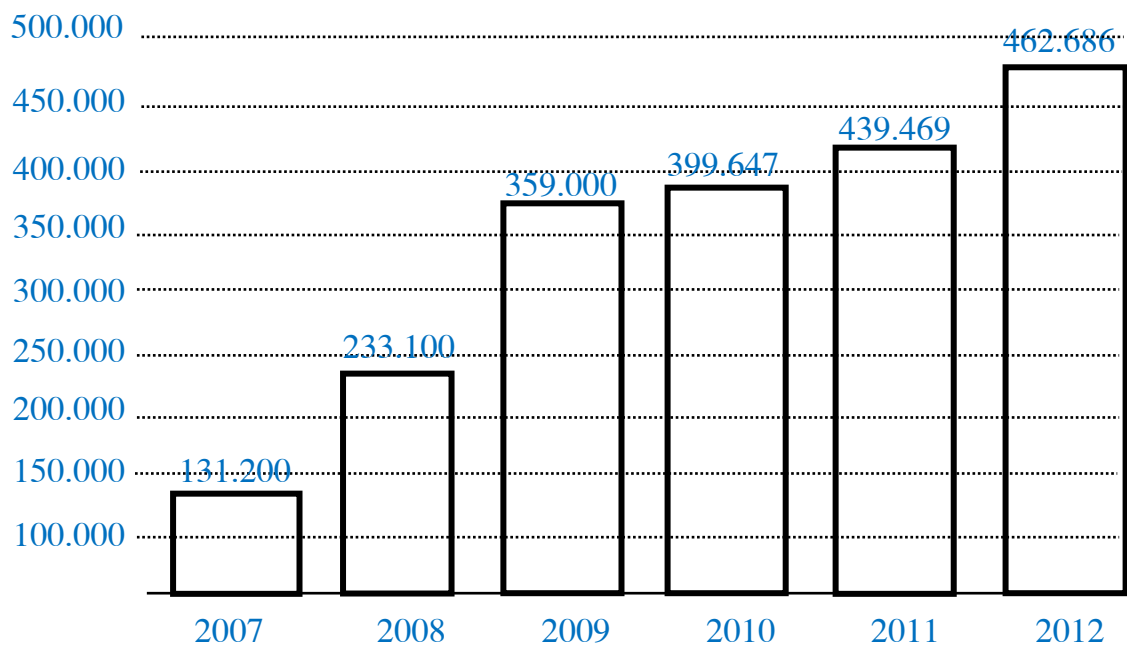
3.2 Địa bàn kinh doanh:

Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng

3.3 Tình hình hoạt động

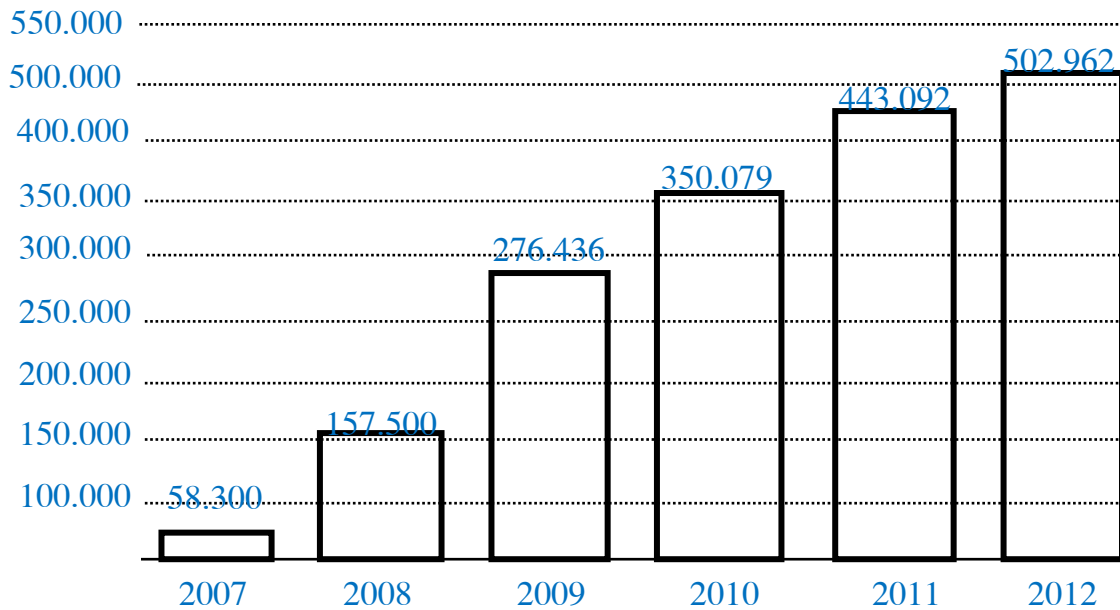
Trong sáu năm hoạt động (2007-2012) Công ty luôn tăng trưởng mạnh mẽ về sản lượng và doanh thu

** Chỉ tiêu về sản lượng*



Biểu đồ xếp dỡ container 2007-2012 (ĐVT: teus)

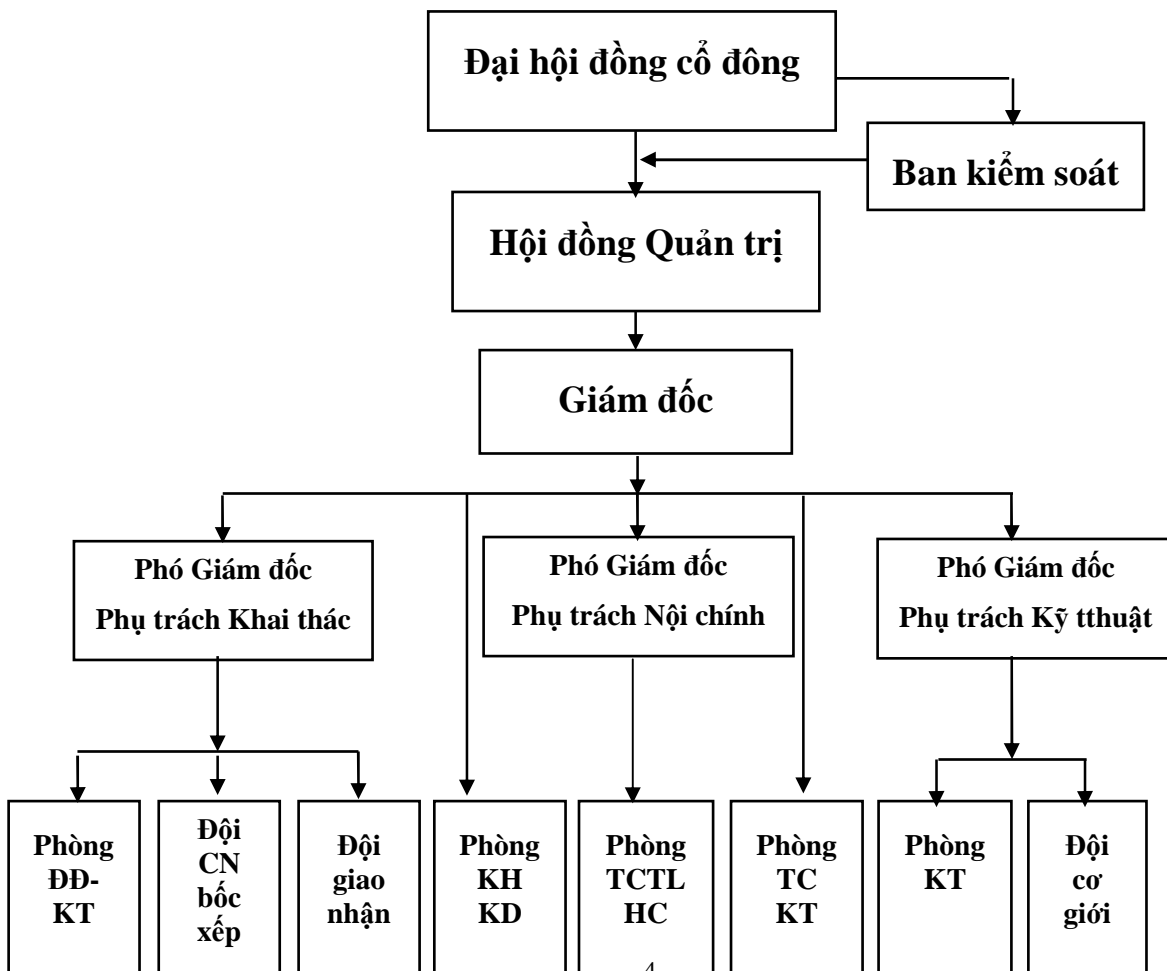
** Chỉ tiêu về doanh thu*



Biểu đồ doanh thu 2007-2012 (ĐVT: triệu đồng)

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Cơ cấu tổ chức



4.2 Công ty liên kết

4.2.1 Công ty TNHH tiếp vận SITC-Đình Vũ

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Hải An, Hải Phòng.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:
 - + Dịch vụ giao nhận
 - + Đại lý tàu, giao thông vận tải đa phương thức
 - + Vận tải đường bộ
 - + Bãi container và kho
 - + Container hàng hóa đóng gói, khai thác hàng CFS
 - + Thai khác kho bãi và lưu trữ hàng hóa
 - + Giao nhận vận tải bằng đường biển, đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không
 - + Dịch vụ sửa chữa container
 - + Dịch vụ hải quan
- Vốn điều lệ thực góp: 74.802.913.800 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại Công ty TNHH tiếp vận SITC-Đình Vũ: 51%

4.2.2 Công ty Cổ phần tiếp vận Đình Vũ

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Hải An, Hải Phòng.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:
 - + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
 - + Bốc xếp hàng hóa
 - + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
 - + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
 - + Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương
- Vốn điều lệ thực góp: 8.880.000.000 VNĐ

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại Công ty Cổ phần tiếp vận Đình Vũ Logistics: 46,5%

5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh các dịch vụ hàng hải và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; tăng cổ tức cho các cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Đa dạng hóa ngành, nghề kinh doanh, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty nhằm xây dựng và phát triển Công ty có tiềm lực kinh tế mạnh.

5.2 Chiến lược phát triển trung dài hạn.

Chiến lược phát triển của Công ty thông qua 2 hướng chủ yếu:

** Phát triển theo chiều sâu:*

Công ty tiếp tục đầu tư trang thiết bị hiện đại, cơ sở hạ tầng, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, áp dụng hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến trong quản lý và khai thác cảng, hướng tới mục tiêu trở thành Cảng xếp dỡ container chuyên nghiệp và hiện đại.

** Phát triển theo chiều rộng:*

Đề tận dụng tối đa nguồn lực và các lợi thế nhằm tăng lợi nhuận, Công ty mở rộng phạm vi kinh doanh, phát triển các ngành nghề liên quan đến hoạt động của cảng như:

Tiếp tục đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh SITC-Dinhvu Logistics và công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ.

Hợp tác với các đối tác chiến lược tiến hành nghiên cứu khả thi của dự án liên doanh đầu tư, phát triển cảng ra khu vực phía ngoài.

Đầu tư, xây dựng, kinh doanh khai thác cảng biển.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012.

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012

Sản lượng thông qua: 4.647.017 tấn đạt 104,54 % so với kế hoạch và tăng 7,7% so với năm 2011.

Trong đó hàng container: 462.686 teu đạt 103,97% so với kế hoạch và tăng 5,28% so với năm 2011.

Doanh thu: 502.962.272.978 đồng đạt 115,62% so với kế hoạch và tăng 13,51% so với năm 2011.

Lợi nhuận trước thuế: 201.207.923.357 đồng đạt 143,72% so với kế hoạch và tăng 21,97% so với năm 2011.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

* Giám đốc Công ty: Ông Nguyễn Ngọc Hồng

Sinh ngày 16/06/1957. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam

Trình độ chuyên môn: Đại học hàng hải-Kỹ sư máy xếp dỡ

Quá trình công tác:

01/1982- 03/1993: Cán bộ chỉ đạo Cảng Hải phòng

04/1993-12/1998: Đội trưởng Đội hàng rời –XNXD Hoàng Diệu- Cảng Hải phòng

01/1999-11/2005: Phó Giám đốc XNXD Hoàng Diệu- Cảng Hải phòng

12/2005- Nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình vũ

Số Cổ phiếu DVP: 10.700 cổ phiếu tương ứng 0,0535% vốn điều lệ.

* Phó Giám đốc phụ trách Khai thác –Kinh doanh: Ông Lê Thành Đổ

Sinh ngày 27/08/1960. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam

Trình độ chuyên môn: Đại học hàng hải-Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

03/1978- 03/1983: Bộ đội Biên phòng

04/1983- 06/1995: Cán bộ - Công ty Đại lý hàng hải Hải phòng
(Vosa Hải phòng)

07/1995-04/2001: Cán bộ - Công ty Đại lý vận tải quốc tế phía bắc

05/2001- 04/2004: Phó phòng Đại lý - Công ty Đại lý vận tải quốc tế
phía bắc

04/2006- 05/2008: Trưởng phòng Khai thác Kinh doanh- Công ty Cổ
phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình vũ

06/2008- Nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển
Cảng Đình vũ

Số Cổ phiếu DVP: 5.072 cổ phiếu tương ứng 0,025% vốn điều lệ.

** Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật: Ông Cao Văn Tĩnh*

Sinh ngày 23/05/1969. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam

Trình độ chuyên môn: Đại học hàng hải-Kỹ sư máy xếp dỡ

Đại học Bách khoa- Kỹ sư QTDN

Quá trình công tác:

09/1986-12/1989: Học trường sỹ quan kỹ thuật vũ khí đạn

01/1990- 01/1992: Trung úy- Đại đội trưởng đại đội bảo quản kho
KV2- Cục vũ khí

08/1990- 07/1997: Học trường Đại học Hàng hải

06/1998- 05/1999: Cán bộ kỹ thuật- Xí nghiệp xếp dỡ container/
Cảng Hải phòng

05/1999- 08/2004: Cán bộ thuật, trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP
dịch vụ kỹ thuật/ Cảng Hải phòng

09/2004- 2/2009: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Đầu tư và
Phát triển Cảng Đình vũ

2/2009- Nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển
Cảng Đình vũ

Số Cổ phiếu DVP: 1.800 cổ phiếu tương ứng 0,009% vốn điều lệ.

** Phó Giám đốc phụ trách nội chính: Ông Nguyễn Hanh Thông*

Sinh ngày 11/10/1956. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế công nghiệp

Quá trình công tác:

1973-1980 Cán bộ Sở xây dựng Hải phòng

1981-1990: Cán bộ Tổ chức Tiền lương Xí nghiệp Xếp dỡ vận tải
thủy Cảng Hải Phòng

1991 -2003: Trưởng ban Tổ chức Tiền lương XN Xếp dỡ vận tải thủy
Cảng Hải Phòng

2003-2005: Chuyên viên Phòng Tổ chức Tiền lương Cảng Hải Phòng

2006-10/2010: Trưởng Phòng Tổ chức Tiền lương Cty CP Đầu tư &
Phát triển Cảng Đình Vũ

11/2010 – nay: Phó Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Tổ chức Tiền
lương Hành chính Công ty CP đầu tư & Phát triển Cảng Đình Vũ

Số Cổ phiếu DVP: 1.800 cổ phiếu tương ứng 0,009% vốn điều lệ.

** Kế toán trưởng: Ông Đoàn Minh Trung*

Sinh ngày 10/07/1971. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam

Trình độ chuyên môn:

Đại học kế toán tài chính- cử nhân kế toán tài chính thương mại.

Quá trình công tác:

10/1992-03/1993: Nhân viên kế toán Cảng Hải phòng

04/1993- 12/1994: Nhân viên kế toán – Xí nghiệp II/Cảng Hải phòng

01/1995- 09/1997: Nhân viên kế toán – Xí nghiệp Container/Cảng
Hải phòng

10/1997- 01/2003: Chuyên viên phòng kế toán- Cảng Hải phòng

02/2003- Nay: Kế toán trưởng, trưởng phòng Tài chính kế toán-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình vũ
Số Cổ phiếu DVP: 30.000 cổ phiếu tương ứng 0,15% vốn điều lệ.

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm 2013 Ban điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ không có thay đổi.

2.3 Số lượng cán bộ công nhân viên:

Tính đến ngày 31/12/2012 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ có 398 CBCNV.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.

3.1 Các khoản đầu tư lớn

** Trong năm 2012 Công ty đã đầu tư xong các hạng mục đầu tư sau:*

- Tháng 4/2012 Công ty đưa 02 cần trục QC vào khai thác.
- Đầu tư 01 máy phát điện 1250kVA dùng cho cầu RTG.
- Đầu tư 04 xe ô tô đầu kéo.
- Đầu tư Phần mềm quản lý và điều hành tích hợp hệ thống.
- Đầu tư Hệ thống mạng không dây phủ sóng toàn bộ bãi cảng.
- Đầu tư Hệ thống máy chủ và máy tính công nghiệp cầm tay cho nhân viên giao nhận và thiết bị nâng.

** Năm 2012 Công ty đã giải ngân cho các dự án đầu tư là 159.368.280.000 đồng.*

** Các hạng mục đầu tư còn dở dang năm 2012 chuyển sang năm 2013 và kế hoạch năm 2013.*

- Đầu tư 04 cầu RTG.
- Hệ thống cấp điện bãi RTG.
- Đầu tư 06 sơ mi rơ móc chuyên dụng chở container.
- Bãi hậu phương cầu 1.
- Bãi logistic ngoài cảng

- Xây dựng văn phòng điều hành Công ty.
- Xây dựng bãi chứa hàng container 04ha tại khu công nghiệp Minh Phương Đình Vũ.

3.2 Các Công ty liên kết

3.2.1 Công ty TNHH tiếp vận SITC-DinhVu Logictics:

- Bắt đầu hoạt động từ Quý IV/2011
- Kết quả SXKD 2012:
 - + Doanh thu: 67,615 tỉ đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế: 20,341 tỉ đồng

3.2.2 Công ty Cổ phần tiếp vận Đình Vũ Logictics:

- Bắt đầu hoạt động từ Quý I/2012
- Kết quả SXKD 2012:
 - + Doanh thu: 11,979 tỉ đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế: 2,217 tỉ đồng

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	699.092.684.156	789.281.178.343	11,3
Doanh thu thuần	402.616.672.584	475.244.373.615	11,8
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	157.489.265.002	200.831.099.069	27,5
Lợi nhuận khác	7.477.167.924	394.824.288	(94,72)
Lợi nhuận trước thuế	164.966.432.926	201.207.923.357	21,97
Lợi nhuận sau thuế	151.613.829.681	188.054.786.012	24,03
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	47,71%	30,29%	(36,51)

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn: + Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ –Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn:	3,74 3,69	2,98 2,91	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: + Hệ số nợ/Tổng tài sản: + Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu:	0,36 0,57	0,31 0,44	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân: + Doanh thu thuần/Tổng tài sản:	40,44 0,57	31,54 0,60	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần: Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu: Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản: Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần:	0,38 0,34 0,21 0,39	0,40 0,34 0,24 0,42	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 20.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông

- Điều lệ Công ty: Theo Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán

5.2 Cơ cấu cổ đông:

- Hiện tại DVP có Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân ở Việt Nam chiếm 90,46%. Cổ đông nước ngoài chiếm 9,54%.

* *Danh sách Cổ đông/thành viên góp vốn là nước ngoài*

S T T	HỌ TÊN NGƯỜI SỞ HỮU	SỐ ĐK SH	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)
1	ANDREAS KARALL	IA5975	30/42 Moo 13 Nurnplubwan Nongprue, Banglamung, Chonburi 20150, Thailand	6.000	0,03
2	Hsu Hung Lung	IA4117	22F No.23 Alley 19, Lane 22, Baosheng Road, Yonghe City, Taipei county, TaiWan	1.000	0,005
3	Kors Wiebe Van Der Werf	IA5009	Rolderdiephof 120, 3521 DB Utrecht, Netherlands	3.000	0,015
4	Kudo Yasushi	IA5760	2-22-55, Naka, Kunitachi, Tokyo, 186-0004 Japan	2.100	0,0105
5	Niimi Yasuyuki	IA4034	Tokyo, Nerima-ku, Sekimachi- kita 3-16-5, Japan	100	0,0005
6	ONG KIAN SOON	IA2281	29 B Clementi Crescent S599542	2.890	0,0144
7	PETER ERIC DENNIS	I00076	RM 209, Monterey Place, Soi Paisingtoh, Bangkok Thailand 10110	4.000	0,02
8	ROBERT GRAHAM HARVEY	IA3824	11 Polesden View, Leatherhead, England	25.000	0,125
9	SUGA YUJI	IS6308	HYOGO-KEN AKASHI-SI UOZUMI-CHOU NISHIOKA 2205-18	600	0,003
10	Shinichi Sano	I00393	307 La Maree Shirokane, 2-5-5, Shirogane, Minato-ku, Tokyo,	300	0,0015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÀNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo thường niên**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

			Japan		
11	Yabu Taichi	IA4901	702-10, Okamoto-cho, Kusatu-shi, Shiga 525-0044, Japan	1.000	0,005
12	Yutaka Noda	I00338	993-5 Koyurugi Samukawamachi Kozagun Kanagawaken Japan	100	0,0005
13	AIZAWA SECURITIES CO.,LTD	CA2521	1-20-3, Nihonbashi, Chuo-Ku, Tokyo, JP 103-0027	9.800	0,049
14	FRONTAURA GLOBAL FRONTIER FUND LLC	CA2759	500 North Dearborn Street, .Suite 1200, chicago, IL 60610, USA	978.000	4,89
15	GREYSTANES LIMITED	CS3886	6th Floor, Opera View Building, 161 Dong Khoi Street, Dist.1, HCMC	347.210	1,736
16	IWAI COSMO SECURITIES CO., LTD	CA2539	1-8-12 Imabashi, CHuo-ku, Osaka-city, Osaka-ku, Japan	7.000	0,035
17	Mekong Fortfolio Investments Limited	CS3214	Nerine Chambers, P.O Box 905 Road Town, Tortola, Bristish Virgin Island	13.990	0,06995
18	NEW-S SECURITIES CO., LTD.	CS9483	EBISU BLDG, 11-10, 3- CHOME, HIGASHI, SHIBUYA-KU, TOKYO	6.990	0,0345
19	PEMBERTON ASIAN OPPORTUNITIES FUND	CA4779	Walker House, 87 Mary Street, George Town, Grand Cayman KY1-9001 Cayman Islands	500.000	2,5
20	SBI SECURITIES CO.,LTD.	CA4878	6-1 ROPPOINGI 1-CHOME, MINATO-KU, TOKYO, JAPAN	570	0,00285
	Tổng:			1.909.560	9,5478

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012.

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước diễn ra với nhiều biến động, nhiều khó khăn và thử thách, nhưng với sự quyết tâm và cố gắng vượt bậc của CBCNV, Cảng Đình Vũ đã vượt qua khó khăn, tận dụng được những thuận lợi, lợi thế của mình để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận Công ty đã về trước kế hoạch ba tháng. Đây là một năm hết sức đặc biệt, đánh dấu chặng đường mười năm hình thành và phát triển không ngừng của DVP.

Cùng với việc chú trọng đầu tư cho hoạt động SXKD, mở rộng thị trường, Cảng Đình Vũ đã không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ. Đồng thời, khẳng định được uy tín và thương hiệu đối với các khách hàng trong nước và quốc tế.

Tuy nhiên, năm 2012 Cảng Đình Vũ phải đối mặt với không ít những khó khăn và thách thức: Chi phí nguyên, nhiên liệu đầu vào tăng, tình hình thị trường cạnh tranh ngày một gay gắt, cơ sở hạ tầng như luồng vào cảng còn hạn chế, hệ thống đường giao thông ách tắc, kéo dài ảnh hưởng lớn đến sức khỏe và việc đi lại của CBCNV, gây ảnh hưởng xấu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của cảng. Bên cạnh đó, tình hình bãi chứa container, phương tiện thiết bị của Cảng cũng còn nhiều hạn chế, cộng với những khó khăn của các doanh nghiệp vận tải biển đã gây sức ép rất lớn về giá cước xếp dỡ là những yếu tố có ảnh hưởng lớn đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

Trong năm 2012, được sự quan tâm của các Bộ, ban ngành TƯ, chính quyền TP Hải Phòng và các cơ quan chức năng cộng với sự ủng hộ của các đối tác, khách hàng truyền thống đã tạo điều kiện thuận lợi để công ty vượt qua khó khăn thách thức.

Công ty luôn duy trì và áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO9001:2008 trong quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chú trọng đến công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt quan tâm đến thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đảm bảo yêu cầu và tốc độ phát triển của Công ty; không ngừng cải cách phương thức làm việc, chuyên môn hóa cao trong từng lĩnh vực.

Công ty đặc biệt quan tâm đến công tác tiếp thị, phát triển quan hệ và mở rộng thị trường trong nước cũng như quốc tế; có chính sách và biện pháp linh hoạt

tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trên cơ sở hợp tác hai bên cùng có lợi, tạo nên nguồn hàng ổn định và tăng trưởng, đem lại lợi nhuận và doanh thu cao, ký kết các hợp đồng kinh tế đảm bảo tính pháp lý và hiệu quả.

Tiếp thu và xử lý kịp thời thông tin phản hồi từ khách hàng, chấn chỉnh, cải tiến phương pháp, lề lối làm việc, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng tác phong làm việc chuyên nghiệp.

Nguồn lao động phục vụ sản xuất được trẻ hóa, vững vàng chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề. Thực hiện tốt các chức năng trong quản trị, điều hành Công ty, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động; hoàn chỉnh đồng bộ các văn bản pháp lý, các quy chế, quy định nội bộ, nâng cao hiệu quả quản lý.

Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội và môi trường, tích cực tham gia ủng hộ các chương trình từ thiện như: Trẻ em chất độc da cam, trái tim nhân đạo...giữ gìn môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp đáp ứng các quy định về môi trường.

Tuân thủ các quy định về quản lý vốn và quy chế quản lý tài chính. Năm 2012 Công ty đã tận dụng tối đa thời gian nhàn rỗi của đồng vốn, tận dụng ưu đãi của chính sách tài chính, tìm các nguồn vốn vay thương mại, đảm bảo đủ nguồn vốn cho công tác đầu tư, mua thiết bị phục vụ sản xuất kịp thời; nâng cao chất lượng công tác đầu tư, đảm bảo phục vụ cho sản xuất, tăng năng suất xếp dỡ và chất lượng phục vụ khách hàng. Đặc biệt, trong quý I/2012 Công ty đã đưa 02 cần trục QC vào khai thác, hệ thống mạng máy tính không dây phủ sóng toàn bộ bãi cảng...nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

Tuy nhiên, năm 2012 vẫn là năm Công ty cổ phần Cảng Đình Vũ trong giai đoạn vừa sản xuất vừa đầu tư. Tập thể lãnh đạo Công ty luôn kiên định với chính sách của mình, thống nhất chủ trương, đề ra mục tiêu và giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được giao, hoàn thành toàn diện vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2012, cụ thể:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2012	So sánh 2011(%)	So sánh KH 2012 (%)
1	Sản lượng	Tấn/	4.647.017	107,7	104,54
		Teus	462.686	105,28	103,97
2	Tổng Doanh thu	1.000 VNĐ	502.962.272	113,51	115,62
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000 VNĐ	201.207.923	121,97	143,72

2. Những cải tiến và các biện pháp kiểm soát.

Tuân thủ và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật có liên quan; theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; theo Quy chế quản trị Công ty. Thực hiện tốt các chức năng trong quản trị, điều hành công ty.

Bám sát và thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Tập trung chỉ đạo nâng cao năng lực điều hành sản xuất, áp dụng toàn diện công nghệ thông tin trong quản lý và khai thác cảng. Chỉ đạo sát sao tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty để có những biện pháp điều chỉnh, chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng công tác đầu tư.

Công ty đã đầu tư hệ thống công nghệ thông tin và thiết bị xếp dỡ hiện đại vào khai thác sản xuất: 02 Cản trục QC; Phần mềm quản lý và điều hành tích hợp hệ thống; Hệ thống mạng máy tính không dây phủ sóng toàn bộ bãi Cảng; Hệ thống máy chủ và máy tính công nghiệp cầm tay cho nhân viên giao nhận và thiết bị nâng.

Công ty chú trọng phát triển nguồn lực con người, đào tạo và quy hoạch cán bộ nhân sự chủ chốt đủ năng lực tiếp nhận chuyên giao công nghệ cao trong thời gian ngắn nhất để tiết kiệm chi phí, đạt hiệu quả nhằm tạo ra nguồn lao động có tính kế thừa, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của Công ty.

Tăng cường sự quản lý của Ban điều hành với các hoạt động của Công ty; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu và chi, có biện pháp tiết kiệm, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD; đầu tư theo hướng hiện đại các thiết bị, tạo sự phát triển ổn định lâu dài, chuẩn bị tiền đề để mở rộng các dịch vụ sau cảng nhằm tăng cường năng lực khai thác cảng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Trong công tác quản lý, đánh giá sử dụng cán bộ đúng người, đúng việc, đúng sở trường; không ngừng đổi mới lề lối và phương pháp làm việc, tác phong làm việc chuyên nghiệp; đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo, nêu cao ý thức làm chủ, tăng cường trách nhiệm cá nhân, làm việc có hiệu quả chất lượng, tăng cường công tác đào tạo, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực; đoàn kết, nhất trí, gắn bó để tạo nên sức mạnh tổng hợp hoàn thành toàn diện kế hoạch được giao.

Tăng cường, tổ chức tốt công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị để phục vụ sản xuất nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu sản xuất.

Đảm bảo công tác an toàn lao động, an ninh trật tự trong và ngoài cảng, đảm bảo môi trường an toàn, lành mạnh, chuyên nghiệp để yên tâm cho chủ hàng, chủ tàu.

Chú ý đến sử dụng vốn có hiệu quả, kết hợp với lợi ích lâu dài và trước mắt của các cổ đông. Lập kế hoạch tìm kiếm các nguồn vốn ưu đãi đầu tư từ các tổ chức tài chính, tín dụng đảm bảo đủ vốn cho sản xuất và đầu tư.

Tiếp tục thực hiện chủ trương xây dựng, đầu tư cảng trở thành một cảng hiện đại có đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường, phát triển bền vững, tập trung vào các thiết bị hiện đại có năng suất cao; nâng cao chất lượng dịch vụ, đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào quản lý, sản xuất kinh doanh.

Đặc biệt chú trọng đến công tác thu nhận và xử lý thông tin của khách hàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. Tăng cường công tác tiếp thị mở rộng khách hàng, bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động sản xuất chính của Công ty ổn định.

Cải tiến thủ tục hành chính; quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV Công ty. Thu nhập tăng ổn định phù hợp với mức độ tăng trưởng của doanh thu, đảm bảo việc làm cho người lao động, tạo không khí phấn khởi, gắn bó với Công ty, nâng cao trách nhiệm trong công việc của CBCNV.

Sự đoàn kết, nhất trí cao trong HĐQT, BCH Đảng bộ, Ban điều hành, Ban kiểm soát cùng với quyết tâm cao của toàn thể CBCNV trong Công ty.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013.

Năm 2013, với những thuận lợi nhất định như luồng tàu vào cảng được cải thiện đáng kể, các thiết bị đầu ngoài đã được tăng cường, tạo điều kiện cho Cảng có thể tiếp nhận các tàu có trọng tải lớn hơn, cùng với những thành tích khả quan đã đạt được trong năm 2012 là cơ sở nền tảng cho sự phát triển của Công ty trong năm 2013.

Tuy nhiên năm 2013 vẫn còn khả năng tiềm ẩn rất nhiều diễn biến khó lường: Nền kinh tế thế giới nói chung và nước ta nói riêng vẫn tiếp tục trong giai đoạn khó khăn, chính sách thắt chặt tiền tệ, chống lạm phát của Chính phủ có ảnh hưởng lớn đến xuất nhập khẩu hàng hóa. Hầu hết các hãng tàu vận tải Quốc tế đều bị lỗ trong năm 2012 đã gây sức ép rất lớn đến giá cước xếp dỡ của các doanh nghiệp kinh doanh cảng biển.

Bên cạnh những khó khăn chung kể trên, cảng Đình Vũ vẫn có những khó khăn về cơ sở hạ tầng như: đường giao thông vẫn còn trong tình trạng quá tải và thường xuyên ách tắc toàn khu vực ảnh hưởng lớn đến thời gian giải phóng tàu, các chi phí đầu vào ngày một tăng như điện, nước, giá nguyên nhiên liệu. Một số cảng biển mới mở làm gia tăng sự cạnh tranh gay gắt về nguồn hàng, thị phần vốn đã không tăng nay lại bị chia sẻ.

Theo kế hoạch tài chính phục vụ đầu tư năm 2013, công ty sẽ phải giải ngân trên 200 tỉ đồng từ nguồn vốn tự có để đầu tư và góp vốn, do vậy doanh thu tài chính năm nay sẽ giảm mạnh so với năm 2012.

Trước những thách thức, khó khăn đã nêu, trên cơ sở xác định kế hoạch dài hạn, Công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất năm 2013 và một số biện pháp thực hiện công tác SXKD với mục tiêu: Nâng cao chất lượng dịch vụ, đổi mới công nghệ, làm việc chuyên nghiệp hơn để giữ ổn định nguồn hàng, sản lượng hàng thông qua Cảng, đồng thời tăng cường công tác tiếp thị mở rộng khách hàng, phát triển thêm các loại hình kinh doanh mới phù hợp, mở rộng hướng đầu tư về kho bãi, thiết bị hỗ trợ khai thác cảng... để hỗ trợ cho hoạt động SXKD chính.

Căn cứ những thuận lợi và khó khăn trên, HĐQT đã thống nhất xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 với các chỉ tiêu cụ thể như sau :

- Sản lượng thông qua : 4,8 triệu tấn.
- Trong đó container : 468.000 Teus
- Doanh thu : 470 tỉ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 180 tỉ đồng.
- Cổ tức dự kiến : 15%. (do Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ

từ 200 tỉ đồng lên 400 tỉ đồng trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua.)

Từ những mục tiêu trên, Công ty tập trung nâng cao năng lực điều hành sản xuất; nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực xếp dỡ; quy hoạch bãi chứa container khoa học, hợp lý; đưa các hạng mục đầu tư trọng điểm như cần trục RTG, phần mềm điều hành khai thác container đồng bộ theo thời gian thực giai đoạn 2, hệ thống máy tính công nghiệp cho cầu RTG, hệ thống camera kiểm soát cổng, bãi cảng, ... vào sử dụng, khai thác đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty; tăng tốc độ giải phóng tàu tại cảng; tăng cường công tác tiếp thị, mở rộng thị trường nhằm giữ và ổn định nguồn hàng, mở rộng loại hình kinh doanh, đầu tư mới phù hợp... để hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất năm 2013.

Ban điều hành và toàn thể CBCNV Công ty đoàn kết, nhất trí, gắn bó quyết tâm xây dựng Công ty ngày một phát triển bền vững, trở thành Cảng container chuyên nghiệp và hiện đại trong khu vực. Quyết tâm hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013.

4. Kế hoạch phát triển.

Để tận dụng tối đa cơ hội kinh doanh, tăng khả năng cạnh tranh, tạo điều kiện cho công tác khai thác cảng, Công ty đề xuất phương án mở rộng sản xuất kinh doanh năm 2012 như sau:

Tiếp tục đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh SITC-DINH VU Logistics và Công ty CP Tiếp vận Đình Vũ.

Hợp tác với các đối tác chiến lược tiến hành nghiên cứu về tính khả thi của dự án liên doanh đầu tư phát triển cảng ra khu vực phía ngoài.

Xây dựng phương án tăng vốn điều lệ cho phù hợp với quy mô phát triển của Công ty.

Hỗ trợ tốt cho Công ty liên doanh SITC-DINH VU Logistics và Công ty CP Tiếp vận Đình Vũ để phát triển, mở rộng các lĩnh vực kinh doanh mới, phát huy hiệu quả đầu tư.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012.

Năm 2012 nền kinh tế thế giới đã tạm ổn định nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều biến động. Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị Công ty luôn theo dõi sát tình hình biến động kinh tế – tài chính, cùng ban điều hành nhận định và đưa ra các giải pháp, chiến lược phù hợp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Với sự chỉ đạo và định hướng tốt của Hội đồng quản trị; sự năng động, nhạy bén và tận dụng được thời cơ, cơ hội của Ban Điều hành; sự phấn đấu, hăng say sản xuất của đội ngũ CBCNV của Công ty, năm 2012 Công ty đã hoàn thành vượt mức các kế hoạch đề ra, cụ thể:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2012	So sánh 2011(%)	So sánh KH 2012 (%)
1	Sản lượng	Tấn	4.647.017	107,7	104,54
		Teus	462.686	105,28	103,97
2	Tổng Doanh thu	1.000 VNĐ	502.962.272	113,51	115,62
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000 VNĐ	201.207.923	121,97	143,72

* Tổng dư nợ dài hạn tính đến 31/12/2012 là: 119.377.243.731 đồng.

* Những sự kiện nổi bật trong năm 2012 :

Năm 2012 lần thứ 2 liên tiếp, Công ty được Tạp chí Thuế Việt nam và Công ty Cổ phần đánh giá VNR vinh danh là 1 trong Top 1000 Doanh nghiệp đóng thuế thu nhập cao nhất Việt Nam, Báo Việt nam net Công ty Cổ phần đánh giá VNR vinh danh trong Top 500 Doanh nghiệp phát triển nhanh nhất Việt Nam.

Cũng trong năm 2012 , Cảng Đình vũ vinh dự nhận giải thưởng “Thương hiệu Đại Việt vững mạnh năm 2012” Đây là Giải thưởng do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tổ chức nhằm tôn vinh các doanh nghiệp đã ra sức phấn đấu xây dựng thương hiệu phát triển bền vững thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công

nghệ để tạo ra những sản phẩm, dịch vụ chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần vào sự phát triển kinh tế đất nước.

Đặc biệt năm 2012, nhân dịp kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Công ty 19/12/2002 - 19/12/2012, Cảng Đình Vũ vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng “*Huân chương Lao động hạng Nhì vì những thành tích xuất sắc đạt được trong sản xuất kinh doanh*”.

Cũng trong năm 2012 Công ty được UBND Thành phố Hải Phòng khen tặng Bức trường mang dòng chữ “*10 năm xây dựng, Hội nhập và Phát triển bền vững*”.

Năm 2012 với mục tiêu nâng cao năng lực xếp dỡ và chất lượng dịch vụ, Hội đồng quản trị đã đề ra các giải pháp, chiến lược đầu tư trang thiết bị hiện đại, tập trung chỉ đạo công tác đầu tư theo Nghị quyết của ĐHCĐ 2012.

2. Một số thay đổi chủ yếu trong năm.

* Những hạng mục đầu tư đã hoàn thành trong năm 2013

- Tháng 4/2012 Công ty đưa 02 cần trục QC vào khai thác
- Đầu tư 01 máy phát điện 1250kVA dùng cho cầu RTG.
- Đầu tư 04 xe ô tô đầu kéo.
- Đầu tư Phần mềm quản lý và điều hành tích hợp hệ thống.
- Đầu tư Hệ thống mạng không dây phủ sóng toàn bộ bãi cảng.
- Đầu tư Hệ thống máy chủ và máy tính công nghiệp cầm tay cho nhân viên giao nhận và thiết bị nâng.

Năm 2012 đã thực hiện giải ngân 159.368.280.000 đồng.

3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai.

Trong năm 2012, Công ty đã xuất sắc hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, tạo ra bước tăng trưởng vượt bậc đồng thời tạo được thương hiệu và uy tín đối với khách hàng. Từ những tiền đề tốt đẹp trong năm 2012 đã tạo những cơ hội phát triển cho những năm tới, từ đó HĐQT đã đề ra định hướng và chiến lược phát triển cho những năm tiếp theo:

Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện đại cho hoạt động kinh doanh khai thác cảng, tăng năng suất xếp dỡ và chất lượng phục vụ khách hàng.

Mở rộng lĩnh vực kinh doanh phù hợp nhằm tăng doanh thu và tối đa hóa lợi nhuận.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trú trọng đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho CBCNV, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

Trên cơ sở đó Hội đồng quản trị thống nhất giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 như sau:

- Sản lượng thông qua : 4,8 triệu tấn.
- Trong đó container : 468.000 Teus
- Doanh thu : 470 tỉ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 180 tỉ đồng.
- Cổ tức dự kiến : 15%. (do Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 200 tỉ đồng lên 400 tỉ đồng trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua).

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

1.1. Cơ cấu Hội đồng quản trị

- Số lượng thành viên: 07 thành viên, trong đó:
 - + Chủ tịch Hội đồng quản trị: 01
 - + Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: 01
 - + Số lượng thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp điều hành: 01
 - + Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành: 06
 - + Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ thành viên Hội đồng quản trị tại các Công ty khác: 02 (đều nắm giữ chức danh chủ tịch Hội đồng quản trị của các công ty khác).

1.2 Thành viên Hội đồng quản trị

- * Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Dương Thanh Bình
 - Đại diện phần vốn của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng với 16% vốn điều lệ tương đương 3.200.000 cổ phần có quyền biểu quyết.
- * Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Tiến Dũng
 - Đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản với 18,7% vốn điều lệ tương đương 3.740.000 cổ phần có quyền biểu quyết.
- * Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Ngọc Hồng
 - + Đại diện phần vốn của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng với 10% vốn điều lệ tương đương 2.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.
 - + Số cổ phần sở hữu cá nhân 10.700 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,0535% vốn điều lệ:
 - Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết 2.010.700 cổ phần có quyền có quyền biểu quyết, tương đương 10,0535% vốn điều lệ.
- * Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Phạm Hồng Minh

+ Đại diện phần vốn của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng với 16% vốn điều lệ tương đương 2.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Số cổ phần sở hữu cá nhân 16.200 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,081% vốn điều lệ:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết 2.016.200 cổ phần có quyền có quyền biểu quyết, tương đương 10,081% vốn điều lệ.

* Thành viên Hội đồng quản trị: bà Nguyễn Thị Nguyệt

+ Đại diện phần vốn của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng với 16% vốn điều lệ tương đương 2.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Số cổ phần sở hữu cá nhân 9.350 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,046% vốn điều lệ:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết 2.009.350 cổ phần có quyền có quyền biểu quyết, tương đương 10,046% vốn điều lệ.

* Thành viên Hội đồng quản trị: Bà Nguyễn Thị Phương

- Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách với 2,2% vốn điều lệ tương đương 440.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

* Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Vũ Tuấn Dương

- Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá với 2,75% vốn điều lệ tương đương 550.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Ban kiểm soát

2.1 Thành viên Ban kiểm soát

* Trưởng Ban kiểm soát: Ông Bùi Chiến Thắng

+ Đại diện phần vốn của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng với 5% vốn điều lệ tương đương 1.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Số cổ phần sở hữu cá nhân 15.500 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,0775% vốn điều lệ:

+ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết 2.015.500 cổ phần có quyền có quyền biểu quyết, tương ứng với 5,0775% vốn điều lệ.

** Thành viên Ban kiểm soát: Bà Nguyễn Thị Thanh*

- Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng với 1,805% vốn điều lệ tương đương 361.103 cổ phần có quyền biểu quyết.

** Thành viên Ban kiểm soát: Ông Vũ Hoàng Lâm*

- Số cổ phần sở hữu cá nhân 23.800 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,119% vốn điều lệ.

2.2 Báo cáo của Ban kiểm soát

Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã tiến hành thực hiện giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các kế hoạch đề ra của Công ty, cụ thể:

2.2.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Trong năm 2012 Hội đồng quản trị Công ty cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

Hội đồng quản trị luôn bám sát Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 đồng thời thực hiện tốt vai trò giám sát và hỗ trợ Ban Giám đốc, phối hợp giúp Ban Giám đốc chỉ đạo điều hành công tác sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn và thử thách.

Trong năm 2012 Hội đồng quản trị đã phê duyệt các Nghị quyết, quyết định các phương án đầu tư, quyết toán các dự án đầu tư và các vấn đề thuộc thẩm quyền theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2.2.2 Hoạt động của Ban Giám đốc

Các dự án đã được đầu tư trong năm 2012 phù hợp với kế hoạch và tuân thủ các quy định về đấu thầu, đầu tư mua sắm thiết bị của Công ty và pháp luật hiện hành.

Công ty đã đầu tư mới các thiết bị như cần trục QC, máy phát điện, phần mềm điều hành khai thác container đồng bộ theo thời gian thực, hệ thống máy tính cầm tay cho nhân viên giao nhận và thiết bị nâng ...tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành, quy chế mua sắm của Công ty, không để xảy ra tình trạng lãng phí và thất thoát vốn đầu tư.

Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo mối quan hệ tốt và bền vững với khách hàng cũ, tích cực tìm kiếm khách hàng mới nhằm đảm bảo duy trì hiệu suất hoạt động cho các phương tiện xếp dỡ.

Công ty quan tâm đến chất lượng lao động, làm tốt công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu công việc và sử dụng được các thiết bị tiên tiến, hiện đại.

Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã phản ánh đầy đủ, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đúng theo các chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được thể hiện kiểm toán theo quy định. Công ty TNHH kiểm toán Vaco đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty.

Trong công tác quản trị tài chính, Công ty đã tuân thủ các quy định về quản lý vốn và quy chế quản lý tài chính.

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012.

Bên cạnh công tác sản xuất kinh doanh, công ty thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia tài trợ và hỗ trợ cho các chương trình từ thiện...Tổ chức cho đội ngũ CBCNV Công ty đi thăm quan, du lịch tạo tinh thần thoải mái, hưng phấn cho người lao động để tiếp tục hăng say và cống hiến cũng như gắn bó lâu dài với Công ty.

2.2.3 Kế hoạch giám sát năm 2013.

Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan, Ban kiểm soát Công ty dự kiến kế hoạch năm 2013 như sau:

Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện công tác sản xuất kinh doanh so với kế hoạch năm 2013.

Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 và của Hội đồng quản trị cũng như các quy định quy chế liên quan của Công ty.

3. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2012

3.1 Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Theo nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2012 đề ra tổng số chi phí thù lao HĐQT, BKS được phép chi là: 1.504.000.000 VNĐ; Đã chi: 1.497.500.000 đồng, cụ thể:

+ Dương Thanh Bình Chủ tịch HĐQT	:206.551.724 VNĐ
+ Nguyễn Tiến Dũng Phó CT HĐQT	:154.913.793 VNĐ
+ Nguyễn Ngọc Hồng Ủy viên HĐQT	:154.913.793 VNĐ
+ Nguyễn Thị Nguyệt Ủy viên HĐQT	:154.913.793 VNĐ
+ Nguyễn Thị Phương Ủy viên HĐQT	:154.913.793 VNĐ
+ Vũ Tuấn Dương Ủy viên HĐQT	:154.913.793 VNĐ
+ Phạm Hồng Minh Ủy viên HĐQT	:154.913.793 VNĐ
+ Bùi Chiến Thắng Trưởng BKS	:154.913.793 VNĐ
+ Nguyễn Thị Thanh Ủy viên BKS	:103.275.862 VNĐ
+ Vũ Hoàng Lâm Ủy viên BKS	:103.275.862 VNĐ

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

S T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Thành viên Ban kiểm soát	364.663	1,823%	361.103	1,805%	Cơ cấu danh mục đầu tư

3.3 Thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty đang tiến hành xây dựng quy chế quản trị nội theo hướng dẫn tại thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ tài chính dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2013. Công ty cũng dự kiến trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 thông qua về việc sửa đổi điều lệ Công ty phù hợp với thông tư 121/2012/TT-BTC.

VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "Báo cáo tài chính") của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26 tháng 03 năm 2013, từ trang 3 đến trang 32. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Bùi Văn Ngọc
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0035/KTV

Lê Xuân Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÁU SỐ B 01 - DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		367.878.572.347	504.875.306.000
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	103.304.966.501	149.353.441.295
1. Tiền	111		8.304.966.501	99.353.441.295
2. Các khoản tương đương tiền	112		95.000.000.000	50.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		156.000.000.000	158.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	156.000.000.000	158.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		95.233.049.437	188.516.641.889
1. Phải thu khách hàng	131		63.018.231.860	70.196.450.239
2. Trả trước cho người bán	132		36.938.851.020	117.484.037.100
3. Các khoản phải thu khác	135		1.875.725.573	3.859.187.740
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.599.759.016)	(3.023.033.190)
IV. Hàng tồn kho	140	6	9.487.310.957	7.468.017.959
1. Hàng tồn kho	141		9.487.310.957	7.468.017.959
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.853.245.452	1.537.204.857
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.787.943.033	1.473.653.311
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		65.302.419	63.551.546
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =210+220+250+ 260)	200		421.402.605.996	194.217.378.156
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		792.843.128	1.109.980.380
1. Phải thu dài hạn khác	218	7	792.843.128	1.109.980.380
II. Tài sản cố định	220		335.133.394.412	176.213.128.720
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	276.011.310.399	142.388.618.174
- Nguyên giá	222		625.161.954.446	413.359.221.744
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(349.150.644.047)	(270.970.603.570)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	19.121.373.929	28.682.060.897
- Nguyên giá	225		47.803.434.833	47.803.434.833
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(28.682.060.904)	(19.121.373.936)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	2.014.303.714	-
- Nguyên giá	228		2.214.054.700	94.587.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(199.750.986)	(94.587.200)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	37.986.406.370	5.142.449.649
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		83.682.913.800	15.100.814.400
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	8.880.000.000	-
2. Góp vốn liên doanh	253	13	74.802.913.800	15.100.814.400
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.793.454.656	1.793.454.656
1. Tài sản dài hạn khác	268	14	1.793.454.656	1.793.454.656
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		789.281.178.343	699.092.684.156

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÁU SỐ B 01 - DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ			242.695.139.849	253.283.956.583
(300=310+330)	300			
I. Nợ ngắn hạn	310		123.317.896.118	134.933.378.809
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	74.328.110.040	74.086.509.488
2. Phải trả người bán	312		13.802.051.043	28.673.019.261
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	2.382.764.192	204.491.368
4. Phải trả người lao động	315		9.121.741.641	8.008.910.304
5. Chi phí phải trả	316	17	17.094.196.248	19.503.513.521
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		4.597.125.005	3.663.909.618
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.991.907.949	793.025.249
II. Nợ dài hạn	330		119.377.243.731	118.350.577.774
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	119.377.243.731	118.288.286.902
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	62.290.872
B. NGUỒN VỐN	400		546.586.038.494	445.808.727.573
(400 = 410)				
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	546.586.038.494	445.808.727.573
1. Vốn điều lệ	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		83.682.913.800	15.100.814.400
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	3.140.080.311
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		44.265.000.479	61.923.126.380
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		41.983.111.242	26.959.123.054
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		18.600.226.961	11.019.535.477
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		158.054.786.012	127.666.047.951
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+ 400)	440		789.281.178.343	699.092.684.156
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
	Mã số		31/12/2012	31/12/2011
1. Ngoại tệ các loại (USD)			136,40	2.473,575,66

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU SỐ B 02 - DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		475.244.373.615	402.616.672.584
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		475.244.373.615	402.616.672.584
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		267.407.477.993	242.785.639.308
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		207.836.895.622	159.831.033.276
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	27.312.075.075	32.879.420.275
7. Chi phí tài chính	22	23	9.438.314.074	15.045.278.421
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.978.313.867	4.930.600.692
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.897.557.554	20.175.910.128
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		200.813.099.069	157.489.265.002
11. Thu nhập khác	31		405.824.288	7.596.663.484
12. Chi phí khác	32		11.000.000	119.495.560
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		394.824.288	7.477.167.924
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		201.207.923.357	164.966.432.926
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	13.153.137.345	13.352.603.245
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		188.054.786.012	151.613.829.681
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	9.403	7.581

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU SỐ B 03 - DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	497.198.953.122	414.334.182.176
		(175.631.463.547)	(129.872.055.402)
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(57.860.944.310)	(49.143.845.264)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(9.028.275.626)	(5.124.720.947)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(10.966.329.123)	(7.405.892.806)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.019.371.154	16.615.715.612
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(29.054.186.816)	(31.245.418.665)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	225.677.124.854	208.157.964.704
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(150.102.713.211)	(95.314.019.633)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	165.000.000	256.200.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(103.000.000.000)	(350.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	105.000.000.000	288.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(68.582.099.400)	(15.100.814.400)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.283.849.549	27.304.485.447
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(193.235.963.062)	(144.854.148.586)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	80.835.710.000	124.804.946.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(71.583.258.960)	(16.116.672.752)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(8.050.429.863)	(7.823.160.652)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(79.617.270.000)	(98.140.579.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(78.415.248.823)	2.724.532.946
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(45.974.087.031)	66.028.349.064
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	149.353.441.295	83.496.767.743
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(74.387.763)	(171.675.512)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	103.304.966.501	149.353.441.295

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 108.609.723,712 đồng, là số tiền đã ứng trước trong năm 2011 cho người bán để mua sắm tài sản trong năm.

Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ bao gồm số tiền 11.348.280.000 đồng, là số tiền đã ứng trước trong kỳ để mua sắm tài sản trong năm tiếp theo.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 990/QĐ-TGD ngày 11/11/2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về quyết định phê duyệt phương án đầu tư khai thác Cảng Đình Vũ và Giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 0203000346 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/01/2003 và các lần sửa đổi bổ sung.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành, Công ty có vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng, được chia thành 20.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Toàn bộ số cổ phần trên của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là DVP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 399 người (tại ngày 31/12/2011 là 374 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa. Kinh doanh kho, bãi;
- Vận tải hàng hóa đa phương thức; Dịch vụ hàng hải;
- Dịch vụ kho vận, dịch vụ kho ngoại quan và dịch vụ hàng chuyên khẩu, quá cảnh.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhật ký chứng từ .

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng do góp 51% vốn điều lệ vào Công ty .
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ do Công ty góp 51% vốn theo hợp đồng liên doanh ký giữa Công ty và Công ty TNHH Vận tải Đường thủy Châu Á (SITC).
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ do Công ty góp 46,5% vốn theo biên bản thỏa thuận ký giữa Công ty, Công ty CP Vận Xuyên và các bên khác.
- Ban Giám đốc Công ty và Hội đồng Quản trị.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được trình bày trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp giá trị tài sản thuần. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Công ty CP Tiếp vận Đình Vũ (công ty liên kết) bắt đầu hoạt động từ ngày 17/12/2011. Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối của Công ty TNHH Tiếp vận Đình Vũ tại 31/12/2012 là 2.216.082.169 VND. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty CP Tiếp vận Đình Vũ chưa có thông báo chia cổ tức tới các chủ sở hữu.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tại 31/12/2012, Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp giá trị tài sản thuần.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ (công ty liên doanh) bắt đầu hoạt động từ ngày 29/01/2011. Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối của Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ tại 31/12/2012 là 20.926.851.762 VND. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ chưa có thông báo chia cổ tức tới các chủ sở hữu.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Trong năm, lượng hàng tồn kho nhỏ và phần lớn hàng tồn kho là vật tư phục vụ sản xuất. Lượng hàng tồn kho mua trong năm căn cứ vào nhu cầu sản xuất và thường xuất dùng hết nên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính còn lại, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 08
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn. Cụ thể, tài sản thuê tài chính là Cầu cầu Mobile Harbour Crane được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm (thời gian thuê).

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí thực tế phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguồn vốn

Vốn điều lệ được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý theo quy định tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này (ngoại trừ các khoản công nợ ứng trước cho người bán). Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại theo Thông tư 179/2012/TT-BTC có sự khác biệt với quy định tại Thông tư 201/2009/TT-BTC. Cụ thể, theo quy định tại Thông tư 201/2009/TT-BTC, Chênh lệch tỷ giá phát

sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4477GCN/UB ngày 17/09/2004 của UBND Thành phố Hải Phòng, Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ, Quyết định số 06/2008/QĐ-TTg ngày 10/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 141/CT-TT&HT của Cục thuế Hải Phòng ngày 21/02/2011, Công ty được hưởng các chính sách ưu đãi thuế sau:

Ưu đãi thuế suất thuế TNDN

Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 10% trong thời hạn còn lại (đã hưởng ưu đãi thuế suất thuế TNDN 20% từ năm 2004 đến hết ngày 01/02/2008) kể từ ngày 02/02/2008 đến hết năm 2018 đối với thu nhập có được từ dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh thuộc diện ưu đãi thuế suất thuế TNDN nếu trên được giảm 50% số thuế phải nộp trong thời hạn còn lại (đã hưởng ưu đãi giảm thuế TNDN từ năm 2006 đến hết ngày 01/02/2008) kể từ ngày 02/02/2008 đến hết năm 2014.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo thường niên**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	199.825.809	555.310.949
Tiền gửi ngân hàng	8.105.140.692	98.798.130.346
Các khoản tương đương tiền (*)	95.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	<u>103.304.966.501</u>	<u>149.353.441.295</u>

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn (*)	156.000.000.000	158.000.000.000
	<u>156.000.000.000</u>	<u>158.000.000.000</u>

(*): Đây là các khoản tiền gửi đầu tư linh hoạt kèm quyền chọn – kỳ hạn quyền chọn từ 12 đến 36 tháng, kỳ nhận lãi hàng 01 tháng. Công ty được gửi thêm vốn hoặc rút trước hạn toàn bộ số vốn (tất toán) hoặc một phần vốn đầu tư ban đầu và gửi/rút làm nhiều lần vào ngày cuối cùng của các kỳ hạn quyền chịu (hàng 01 tháng).

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.286.714.553	7.030.232.305
Công cụ, dụng cụ	200.596.404	437.785.654
Cộng	<u>9.487.310.957</u>	<u>7.468.017.959</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	<u>9.487.310.957</u>	<u>7.468.017.959</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo thường niên**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

7. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Phải thu dài hạn khác (*)	792.843.128	1.109.980.380
	<u>792.843.128</u>	<u>1.109.980.380</u>

(*) Phải thu dài hạn khác liên quan đến thuế giá trị gia tăng đầu vào của thuê tài sản tài chính.

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 31/12/2011	253.459.403.322	4.375.877.727	151.809.446.515	3.714.494.180	413.359.221.744
Mua trong năm	-	200.313.918.000	3.675.561.333	2.596.477.274	206.585.956.607
Xây dựng cơ bản bàn giao	1.152.566.000	-	-	-	1.152.566.000
Vốn hóa chi phí lãi vay	-	4.662.210.095	-	-	4.662.210.095
Phân loại lại (*)	-	73.606.939.086	(73.606.939.086)	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(598.000.000)	-	(598.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	254.611.969.322	282.958.944.908	81.280.068.762	6.310.971.454	625.161.954.446
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 31/12/2011	137.955.083.149	1.026.126.662	130.542.963.020	1.446.430.739	270.970.603.570
Khấu hao trong năm	41.594.270.117	30.807.796.566	5.233.398.849	1.142.574.945	78.778.040.477
Phân loại lại (*)	-	65.680.841.343	(65.680.841.343)	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(598.000.000)	-	(598.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	179.549.353.266	97.514.764.571	69.497.520.526	2.589.005.684	349.150.644.047
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	115.504.320.173	3.349.751.065	21.266.483.495	2.268.063.441	142.388.618.174
Tại ngày 31/12/2012	75.062.616.056	185.444.180.337	11.782.548.236	3.721.965.770	276.011.310.399

(*): Công ty đã phân loại lại 3 căn trục chân đế từ Phương tiện vận tải truyền dẫn sang Máy móc thiết bị. Tại 1/1/2012, giá trị nguyên giá của các tài sản trên là 73.606.939.086 đồng, giá trị hao mòn lũy kế là 65.680.841.343 đồng.

Tại ngày 31/12/2012, nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 164.771.271.502 đồng (tại ngày 31/12/2011 là 57.132.406.259 đồng).

Công ty đã thế chấp nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2012 lần lượt là 42.213.438.978 đồng và 177.866.362.672 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 31/12/2011	47.803.434.833	47.803.434.833
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2012	47.803.434.833	47.803.434.833
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 31/12/2011	19.121.373.936	19.121.373.936
Khấu hao trong năm	9.560.686.968	9.560.686.968
Tại ngày 31/12/2012	28.682.060.904	28.682.060.904
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2011	<u>28.682.060.897</u>	<u>28.682.060.897</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>19.121.373.929</u>	<u>19.121.373.929</u>

Tài sản cố định thuê tài chính là cần cầu Mobile Harbour Crane thuê theo hợp đồng số SBL010200906004 ký ngày 04/06/2009 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê tài chính – Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Chi tiết hợp đồng xem Thuyết minh 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm máy</u>	<u>Tổng</u>
	tính	VND
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 31/12/2011	94.587.200	94.587.200
Tăng trong năm	2.119.467.500	2.119.467.500
<i>Mua sắm mới</i>	<i>2.119.467.500</i>	<i>2.119.467.500</i>
Tại ngày 31/12/2012	2.214.054.700	2.214.054.700
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 31/12/2011	94.587.200	94.587.200
Khấu hao trong năm	105.163.786	105.163.786
Tại ngày 31/12/2012	199.750.986	199.750.986
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2011	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>2.014.303.714</u>	<u>2.014.303.714</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Số dư 1/1/2012	5.142.449.649	9.297.514.086
Tăng trong kỳ	39.550.734.316	-
Kết chuyển sang tài sản cố định	6.706.777.595	-
Tại ngày cuối kỳ	37.986.406.370	5.142.449.649

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang :

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Trong đó (những công trình lớn)		
Cải tạo - nâng cấp bãi chứa hàng container hậu phương cầu 1	33.260.573.986	-
Hệ thống cấp điện cho cầu RTG và bãi container lạnh	3.623.302.728	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	1.102.529.656	5.142.449.649
	37.986.406.370	5.142.449.649

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty CP Tiếp vận Đình Vũ (*)	8.880.000.000	-
	8.880.000.000	-

(*): Theo biên bản góp vốn ngày 14/10/2011 giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty CP Vạn Xuân, Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ và các cổ đông khác quyết định thành lập Công ty CP Tiếp vận Đình Vũ. Theo đó, số vốn điều lệ của Công ty CP Tiếp vận Đình Vũ là 30.000.000.000 đồng; Công ty góp 13.680.000.000 đồng (chiếm 45,6% vốn điều lệ). Tại 31/12/2012, Công ty đã góp được 8.880.000.000 đồng.

Thông tin chi tiết của Công ty liên kết:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty CP Tiếp vận Đình Vũ	Cảng Đình Vũ, Hải Phòng	45,6	45,6	Kho bãi, lưu giữ hàng hóa; bốc xếp hàng hóa; vận tải hàng hóa...

13. GÓP VỐN LIÊN DOANH

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ (*)	74.802.913.800	15.100.814.400
	<u>74.802.913.800</u>	<u>15.100.814.400</u>

(*) Theo hợp đồng liên doanh giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty TNHH Vận tải Đường thủy Châu Á (SITC) ký tháng 7/2010, hai bên thống nhất góp vốn thành lập Công ty liên doanh đồng kiểm soát Công ty TNHH tiếp vận SITC - Đình Vũ. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty liên doanh là 145.852.000.000 đồng; trong đó Công ty góp 74.384.520.000 đồng (tương đương 3.570.000 USD), chiếm 51%. Đến 31/12/2012 Công ty đã góp được 74.802.913.800 đồng. Chênh lệch giữa số tiền VND giữa hợp đồng và số thực góp do chênh lệch tỷ giá tại ngày góp và tỷ giá tạm tính trong hợp đồng. Hoạt động chính của Công ty TNHH tiếp vận SITC - Đình Vũ là: Kho bãi, lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa; vận tải hàng hóa...

Đến 31/12/2012 Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ chưa có kế hoạch phân chia lợi nhuận.

14. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	1.793.454.656	1.793.454.656
	<u>1.793.454.656</u>	<u>1.793.454.656</u>

(*) Đây là khoản tiền ký quỹ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê tài chính – Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín dùng để thuê tài chính 2 giàn trục Mobile Crane theo hợp đồng thuê số SBL010200906004 ký ngày 04/06/2009 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê tài chính – Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Chi tiết hợp đồng xem Thuyết minh 18 phần thuyết minh báo cáo tài chính.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả		
Thuê tài chính		
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (1)	8.039.901.880	8.046.856.144
Vay ngân hàng		
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng (2)</i>		
- HĐTD dài hạn số HAP.DN.01101207/DH ngày 10/12/2007	3.917.491.200	5.900.822.336
- HĐTD dài hạn số HAP.DN.01250407/DH ngày 25/04/2007	10.549.244.160	8.571.471.808
- HĐTD dài hạn số HAP.DN.04250111/DH ngày 17/02/2011	19.821.472.800	12.580.945.120
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng</i>	-	986.414.080
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng (3)	32.000.000.000	38.000.000.000
	<u>74.328.110.040</u>	<u>74.086.509.488</u>

(1): Khoản tiền thuê tài chính 2 giàn trục Mobile Crane theo hợp đồng thuê số SBL010200906004 ký ngày 04/06/2009 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê tài chính – Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Chi tiết hợp đồng xem Thuyết minh 18 phần thuyết minh báo cáo tài chính.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

(2): Khoản tiền phải trả Ngân hàng TMCP Á Châu dùng để đầu tư, mua sắm tài sản cố định. Chi tiết các hợp đồng xem Thuyết minh số 18 phần thuyết minh báo cáo tài chính.

(3): Khế ước nhận nợ số 13012/2012/HĐTD-PN/SHB HP ngày 12/12/2012 giữa NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội và CTCP Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ. Tổng số tiền cho vay là 32 tỷ đồng, thời hạn vay 20 ngày, lãi suất 11.5%/năm. Mục đích vay để tạm ứng cổ tức cho các Cổ đông Công ty

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Thuế		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.378.404.085	191.595.863
Thuế thu nhập cá nhân	4.360.107	12.895.505
	<u>2.382.764.192</u>	<u>204.491.368</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Lương còn phải trả	6.500.000.000	8.500.000.000
Lãi tiền vay ngân hàng	390.799.940	715.444.858
Thuê nhân công	203.396.308	288.068.663
	<u>17.094.196.248</u>	<u>19.503.513.521</u>

(*) Tại ngày 31/12/2012, Công ty trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định cho hai hạng mục là "Nạo vét duy tu khu nước trước bến" và "Kế hoạch sửa chữa lớn phương tiện, thiết bị" sẽ được thực hiện trong năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2012</u>		<u>31/12/2011</u>	
	<u>Vay dài hạn</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Vay dài hạn</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay dài hạn				
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng				
-HĐTD dài hạn số HAP.DN.01101207/DH ngày 10/12/2007	2,936,973,300	3,917,491,200	8,851,209,968	5,900,822,336
+ Số tiền vay: USD tương đương 30.000.000.000 VND. Số dư gốc đến 31/12/2012 là 329.255 USD				
+ Mục đích vay: Đầu tư xây dựng Cảng Đình Vũ giai đoạn 1				
+ Thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn là 24 tháng, trả gốc trong 60 tháng sau khi hết thời gian ân hạn, trả lãi trong vòng 84 tháng.				
+ Tài sản đảm bảo là toàn bộ công trình kiến trúc được xây dựng trên diện tích 221.425 m2 đất thuê (Cầu cảng số 1, cầu cảng số 2 (Tài sản đang đồng đảm bảo cho các khoản vay trung dài hạn theo hợp đồng tín dụng số HAP.DN.01260106/TDH và hợp đồng số HAP.DN.01250407/DH).				
-HĐTD dài hạn số HAP.DN.01250407/DH ngày 25/04/2007	5,274,515,273	10,549,244,160	13,835,727,980	8,571,471,808
+Số tiền vay: USD tương đương 70.000.000.000 VND. Số dư gốc còn lại đến 31/12/2012 là 760.027 USD				
+ Mục đích vay: Đầu tư xây dựng Cảng Đình Vũ giai đoạn 1				
+ Thời hạn vay là 84 tháng, trong đó thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày nhận nợ, thời gian trả nợ gốc là 60 tháng kể từ khi hết thời gian ân hạn, thời gian trả lãi là 84 tháng. Kỳ trả nợ cuối là 27/4/2014.				
+ Tài sản đảm bảo là toàn bộ công trình kiến trúc được xây dựng trên diện tích 221.425 m2 đất thuê (Cầu cảng số 1, cầu cảng số 2 (Tài sản đang đồng đảm bảo cho các khoản vay trung dài hạn theo hợp đồng tín dụng số HAP.DN.01260106/TDH và hợp đồng số HAP.DH.01101207/DH); tài sản hình thành từ vốn vay là 2 cần cẩu chân hiệu Kirow để kiểu quay trọng tải 40 tấn, và 01 cần cẩu chân để kiểu quay LIEBHERR.				

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

	31/12/2012		31/12/2011	
	Vay dài hạn VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Vay dài hạn VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND
Vay dài hạn				
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng				
-HĐTĐ dài hạn số HAP.DN.04250111/DH ngày 17/02/2011	99.105.698.400	19.821.472.800	75.484.004.480	12.580.945.120
+ Mục đích vay: Đầu tư mua sắm 2 cần trục giàn QC theo hợp đồng số 03/DVP/AD/20120 ký ngày 2/6/2010. Hợp đồng giải ngân thành 2 lần: Lần 1 với số tiền 4.228.200 USD ngày 10/5/2011 (khê ước nhận nợ số 01) , kỳ hạn 90 tháng từ 10/5/2011 đến 10/11/2018; . Nợ gốc dư nợ đến 31/12/2012 là 3.624.160 USD. Lần 2 với số tiền 2.349.000 USD ngày 10/03/2012 (khê ước nhận nợ số 02). Thời hạn cho vay từ 16/3/2012 đến 10/11/2018; . Nợ gốc dư nợ đến 31/12/2012 là 2.088.000 USD. +Tài sản đảm bảo của hợp đồng trên là 2 cần trục giàn QC mua theo hợp đồng số 03/DVP/AD/2010 ký ngày 2/6/2010.				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng				
- HĐTĐ dài hạn số LD0722200002 ngày 13/08/2007	-	-	-	986.414.080

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

	<u>31/12/2012</u>		<u>31/12/2011</u>	
	<u>Vay dài hạn</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Vay dài hạn</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nợ thuê tài chính				
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín				
<i>- Hợp đồng thuê số SBL010200906004 ký ngày 04/06/2009</i>	<i>12.060.056.758</i>	<i>8.039.901.880</i>	<i>20.117.344.474</i>	<i>8.046.856.144</i>
Công ty thuê Cản cầu Mobile Harbour Crane giá thuê là 2.517.191 USD. Thời hạn cho thuê từ ngày 01/08/2010 đến 08/04/2015. Nợ gốc thanh toán hàng quý, nợ lãi thanh toán hàng tháng. Công ty ký cược cho Công ty TNHH cho thuê tài chính – Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín số tiền 100.688 USD tại thời điểm ký kết hợp đồng để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay trên. Khoản ký quỹ này sẽ được cần trừ vào nghĩa vụ thanh toán nợ tiền thuê tài chính của Công ty vào những kỳ cuối theo quy định của hợp đồng. Sau khi kết thúc thời hạn thuê, Công ty được mua lại tài sản thuê với giá trị bằng 0,1% tổng số tiền cho thuê.				
	<u>119.377.243.731</u>	<u>42.328.110.040</u>	<u>118.288.286.902</u>	<u>36.086.509.488</u>

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Vốn khác của chủ sở hữu (**)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2010	200.000.000.000	-	(229.901.306)	29.150.070.517	13.406.293.719	146.855.332.535	4.243.120.810	393.424.916.275
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	151.613.829.681	-	151.613.829.681
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	47.873.870.263	13.552.829.335	(170.803.114.265)	-	(109.376.414.667)
Đầu tư ra ngoài	-	15.100.814.400	-	(15.100.814.400)	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	6.776.414.667	6.776.414.667
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ này	-	-	7.887.935.957	-	-	-	-	7.887.935.957
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá cuối năm trước	-	-	(4.517.954.340)	-	-	-	-	(4.517.954.340)
Tại ngày 31/12/2011	200.000.000.000	15.100.814.400	3.140.080.311	61.923.126.380	26.959.123.054	127.666.047.951	11.019.535.477	445.808.727.573
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	188.054.786.012	-	188.054.786.012
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	50.923.973.499	15.161.382.968	(157.666.047.951)	7.580.691.484	(84.000.000.000)
Đầu tư ra ngoài (**)	-	68.582.099.400	-	(68.582.099.400)	-	-	-	-
Giảm khác (***)	-	-	-	-	(137.394.780)	-	-	(137.394.780)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá cuối năm trước	-	-	(3.140.080.311)	-	-	-	-	(3.140.080.311)
Tại ngày 31/12/2012	200.000.000.000	83.682.913.800	-	44.265.000.479	41.983.111.242	158.054.786.012	18.600.226.961	546.586.038.494

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*): Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 21/NQ - ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 06/04/2012 và Nghị quyết số 74/NQ-HĐQT ngày 23/10/2012. Cụ thể:

Chia cổ tức năm 2011 đợt 2 (đã chia trong năm 2011 một phần)	40.000.000.000 đồng
Tạm ứng cổ tức 2012	40.000.000.000 đồng
Trích quỹ dự phòng tài chính	15.161.382.968 đồng
Trích quỹ khen thưởng	2.000.000.000 đồng
Trích quỹ phúc lợi	1.500.000.000 đồng
Trích quỹ ban điều hành	500.000.000 đồng
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu)	7.580.691.484 đồng
Trích quỹ đầu tư phát triển	50.923.973.499 đồng

(**): Theo Nghị quyết số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2010 và Nghị quyết số 35/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2010, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã nhất trí mở rộng sản xuất bằng việc liên doanh, góp vốn để thành lập công ty liên doanh, cổ phần,... để kinh doanh kho bãi ngoài cảng, dịch vụ hàng hải, tàu lai dắt,... và giao Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành chủ động bố trí các nguồn vốn để thực hiện công việc này. Thực hiện các Nghị quyết trên đây, Ban Giám đốc Công ty đã sử dụng Quỹ Đầu tư Phát triển để góp vốn vào Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ (74.802.913.800 đồng) và Công ty CP Tiếp vận Đình Vũ (8.880.000.000 đồng). Theo đó, trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2012, Công ty đã trình bày số tiền đã đầu tư này vào khoản mục Vốn khác của chủ sở hữu.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là 200 tỷ đồng, được phát hành thành 20.000.000 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán DVP.

Tại ngày 31/12/2012, chi tiết vốn đầu tư của các cổ đông như sau:

- Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng: 51%
- Công ty CP Vật tư Nông sản: 18,7%
- Khác: 30,3%

	31/12/2012		31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	102.000.000.000	51,0%	102.000.000.000	51,0%
Công ty CP Vật tư Nông sản	37.400.000.000	18,7%	37.400.000.000	18,7%
Các cổ đông khác	60.600.000.000	30,3%	60.600.000.000	30,3%
	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Tình hình phát hành cổ phiếu

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	cổ phiếu	20.000.000	20.000.000
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	cổ phiếu	20.000.000	20.000.000
+ Mệnh giá của cổ phiếu	VND/ cổ phiếu	10.000	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ	cổ phiếu	20.000.000	20.000.000

20. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty không có báo cáo bộ phận cho từng lĩnh vực kinh doanh.
Công ty chỉ hoạt động tại một địa điểm nên không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.190.755.033	32.475.785.534
Chi phí nhân công	66.105.110.722	60.264.567.279
Chi phí khấu hao tài sản cố định	88.443.891.231	70.311.423.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.310.540.871	82.999.652.002
Chi phí khác	18.254.737.690	16.910.120.995
Cộng	<u>292.305.035.547</u>	<u>262.961.549.436</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.718.542.879	27.158.177.829
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.499.700.350	5.721.242.446
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	93.831.846	-
Cộng	<u>27.312.075.075</u>	<u>32.879.420.275</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.978.313.867	4.930.600.692
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	445.613.654	2.818.402.308
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	14.386.553	7.296.275.421
Cộng	<u>9.438.314.074</u>	<u>15.045.278.421</u>

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại</i>		
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	201.207.923.357	164.966.432.926
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.270.610.345	840.392.857
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.270.610.345	840.392.857
Thu nhập chịu thuế	202.478.533.702	165.806.825.783
Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	187.332.480.402	140.495.516.005
Thu nhập từ hoạt động khác (*)	15.146.053.300	25.311.309.778
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường	50.619.633.426	41.451.706.446
Thuế suất ưu đãi	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	22.519.761.365	20.377.379.045
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	9.366.624.020	7.024.775.800
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	13.153.137.345	13.352.603.245

(*): Thu nhập từ hoạt động khác bao gồm thu nhập khác, lãi tiền gửi.

Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 10% trong thời hạn còn lại (đã hưởng ưu đãi thuế suất thuế TNDN 20% từ năm 2004 đến hết ngày 01/02/2008) kể từ ngày 02/02/2008 đến hết năm 2018 đối với thu nhập có được từ dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh thuộc diện ưu đãi thuế suất thuế TNDN nếu trên được giảm 50% số thuế phải nộp trong thời hạn còn lại (đã hưởng ưu đãi giảm thuế TNDN từ năm 2006 đến hết ngày 01/02/2008) kể từ ngày 02/02/2008 đến hết năm 2014.

Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	188.054.786.012	151.613.829.681
Lợi nhuận sau thuế phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	188.054.786.012	151.613.829.681
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.403	7.581

26. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Tại ngày 22 tháng 05 năm 2012, Công ty ký hợp đồng cam kết mua 4 căn cầu với Công ty CARGOTEC BELGIUM NV với trị giá là 5.040.000 USD. Tại 31/12/2012, Công ty đã ứng trước 10% giá trị hợp đồng trên.

27. THÔNG TIN KHÁC

Công ty có các khoản tiền thuê đất theo các hợp đồng sau :

- Hợp đồng số 03/HĐTĐ ngày 09/01/2006, UBND Thành phố Hải Phòng cho Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ thuê khu đất có diện tích 221.415 m² tại phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng trong 40 năm kể từ ngày 19/08/2002 đến ngày 19/08/2042. Căn cứ Giấy chứng nhận ưu đãi số 4477 GCN/UB ngày 17 tháng 09 năm 2004 và theo công văn số 57/CCT –THDT, Công ty được miễn tiền thuê đất của lô đất trên trong 10 năm, kể

từ ngày ký hợp đồng thuê đất.

Đơn giá thuê đất là 1.050 đồng/m²/năm và được thông báo khi có thay đổi. Tiền thuê đất nộp hàng năm, chia thành 2 đợt, đợt 1 trước ngày 30/06 và đợt 2 trước ngày 15/10.

- Hợp đồng số 09/HĐTĐ – 2010 ngày 12/08/2010 giữa Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Phà Rừng và Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty được thuê đất 39.600 m² trong cụm công nghiệp Vinashin Đình Vũ. Tổng tiền thuê là 31.680.000.000 đồng. Thời hạn cho thuê đến hết ngày 31/07/2057. Tại 31/12/2011 Công ty đã ứng trước cho Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Phà Rừng 6.500.000.000 đồng.

Ngày 09/12/2011 Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Phà Rừng, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty CP Bất động sản Minh Phương đã thực hiện ký kết biên bản thỏa thuận 3 bên, theo đó, Công ty CP Bất động sản Minh Phương có trách nhiệm kế thừa quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Phà Rừng đối với Công ty theo hợp đồng 09/HĐTĐ – 2010.

Ngày 12/10/2012, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty CP Bất động sản Minh Phương đã ký kết hợp đồng giữ đất số 01/2012/HĐGD-MP. Theo đó, các bên có trách nhiệm thừa kế quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng số 09/HĐTĐ – 2010 ngày 12/08/2010. Cụ thể, CP Bất động sản Minh Phương sẽ bàn giao mặt bằng, cung cấp các tiện ích sử dụng trong khu công nghiệp (cung cấp điểm nối điện, nước sinh hoạt, nước thải, đường giao thông, hệ thống phòng cháy chữa cháy) cho Công ty và phối hợp hoàn thiện hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty. Tại 31/12/2012 Công ty đã nhận bàn giao mặt bằng khu đất nêu trên và thanh toán cho Công ty CP Bất động sản Minh Phương 19.000.000.000 đồng (bao gồm 6.500.000.000 ứng trước cho Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Phà Rừng trong năm 2011).

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Bán hàng	-	-
Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	508.496.395	-
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	6.417.411.770	-
Công ty CP Tiếp vận Đình Vũ	29.444.250	-
Mua hàng		
Công ty CP Tiếp vận Đình Vũ	12.655.275.976	-
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	6.336.000	-
Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	707.101.483	4.811.486.104

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo) :

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	62.128.000	442.095.885
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	96.811.935	359.098.355
Công ty CP Tiếp vận Đình Vũ	3.905.000	-
Các khoản phải trả		
Công ty CP Tiếp vận Đình Vũ	1.293.459.442	-
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	-	-
Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	131.402.507	3.505.076.326
Thu nhập của Ban Giám đốc		
	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Thu nhập Ban Giám đốc	2.466.497.406	2.171.557.602
29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH		

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Các khoản vay	193.705.353.771	192.374.796.390
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	103.304.966.501	149.353.441.295
Nợ thuần	90.400.387.270	43.021.355.095
Vốn chủ sở hữu	546.586.038.494	445.808.727.573
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>16,54%</u>	<u>9,65%</u>

Các

chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.304.966.501	149.353.441.295
Phải thu khách hàng và phải thu khác	59.087.041.545	72.142.585.169
Đầu tư tài chính dài hạn	83.682.913.800	15.100.814.400
Tổng cộng	<u>246.074.921.846</u>	<u>236.596.840.864</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản nợ thuê tài chính	20.099.958.638	28.164.200.618
Các khoản vay	173.605.395.133	164.210.595.772
Phải trả người bán và phải trả khác	18.399.176.048	32.336.928.879
Chi phí phải trả	17.094.196.248	19.503.513.521
Tổng cộng	<u>229.198.726.067</u>	<u>244.215.238.790</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Rủi ro tỷ giá

	Công nợ		Tài sản	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	161.705.353.771	154.374.796.390	53.419.391.080	106.148.986.831

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 10%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các mục bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại cuối năm.

Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận/(lỗ) trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	<u>(10.828.596.269)</u>	<u>(4.822.580.956)</u>
	<u>(10.828.596.269)</u>	<u>(4.822.580.956)</u>

Quản lý

rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
31/12/2012	VND	VND		VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.304.966.501	-	-	103.304.966.501
Phải thu khách hàng và phải thu khác	58.294.198.417	792.843.128	-	59.087.041.545
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	83.682.913.800	83.682.913.800
Cộng	161.599.164.918	792.843.128	83.682.913.800	246.074.921.846
31/12/2012				
Các khoản nợ thuê tài chính	8.039.901.880	12.060.056.758	-	20.099.958.638
Các khoản vay	66.288.208.160	87.497.379.773	19.819.807.200	173.605.395.133
Phải trả người bán và phải trả khác	18.399.176.048	-	-	18.399.176.048
Chi phí phải trả	17.094.196.248	-	-	17.094.196.248
Cộng	109.821.482.336	99.557.436.531	19.819.807.200	229.198.726.067
Chênh lệch thanh khoản thuần	51.777.682.582	(98.764.593.403)	63.863.106.600	16.876.195.779
	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
31/12/2011	VND	VND		VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	149.353.441.295	-	-	149.353.441.295
Phải thu khách hàng và phải thu khác	71.032.604.789	1.109.980.380	-	72.142.585.169
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	15.100.814.400	15.100.814.400
Cộng	220.386.046.084	1.109.980.380	15.100.814.400	236.596.840.864
31/12/2011				
Các khoản nợ thuê tài chính	8.046.856.144	20.117.344.474	-	28.164.200.618
Các khoản vay	66.039.653.344	73.010.718.428	25.160.224.000	164.210.595.772
Phải trả người bán và phải trả khác	32.336.928.879	-	-	32.336.928.879
Chi phí phải trả	19.503.513.521	-	-	19.503.513.521
Cộng	125.926.951.888	93.128.062.902	25.160.224.000	244.215.238.790
Chênh lệch thanh khoản thuần	94.459.094.196	(92.018.082.522)	(10.059.409.600)	(7.618.397.926)

Theo đánh giá của Ban Giám đốc, mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty đã bố trí đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu kỳ trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hồng

** Ghi chú: Số liệu về cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu, cổ đông là người nước ngoài được lấy trong danh sách cổ đông chốt ngày 28/11/2012*